

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Người có công, Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 131/TTr-SLĐTBXH ngày 08 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 03 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Người có công, Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2.

1. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cụ thể hóa việc áp dụng thực thi phương án đơn giản hóa đối

với 03 thủ tục hành chính đã được thông qua trong lĩnh vực Người có công, Bảo trợ xã hội tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, K20, KSTT^(Q).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
NGƯỜI CÓ CÔNG, BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
Mã thủ tục hành chính			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
Lĩnh vực Người có công			
Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (1.010819.000.00.00.H08)	- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm 01 ngày thời gian giải quyết thủ tục hành chính “Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế” được công bố tại Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, từ 24 ngày (trong đó thời gian giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là 12 ngày và thời gian giải quyết của UBND cấp huyện là 07 ngày làm việc, UBND cấp xã là 05 ngày làm việc) xuống còn 23 ngày (trong đó thời gian giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội rút ngắn 01 ngày còn lại 11 ngày và thời gian giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã giữ nguyên là 12 ngày làm việc).	- Tại khoản 4 Điều 66 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ như sau: “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 67 Phụ lục I Nghị định này”. - Đề nghị sửa đổi nội dung khoản 4 Điều 66 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ như sau: “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 11 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 67 Phụ lục I Nghị định này”.	- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 51.575.355 đồng/năm . - Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 49.475.595 đồng/năm . - Chi phí tiết kiệm: 2.099.760 đồng/năm . - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4% .

Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
Mã thủ tục hành chính			
	<p>- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính thì thời gian giải quyết hồ sơ, công chức thực hiện có thể rút ngắn được 01 ngày. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí và thời gian cho tổ chức, cá nhân, đề nghị thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p>		
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
Lĩnh vực Bảo trợ Xã hội			
<p>Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng</p> <p>(1.001776.000.00.00.H08)</p>	<p>- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm 02 ngày làm việc thời gian giải quyết thủ tục hành chính “Thực hiện điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng” được công bố tại Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, từ 22 ngày làm việc đối với trường hợp không có khiếu nại (trong đó thời gian giải quyết của UBND cấp xã là 12 ngày làm việc và thời gian giải quyết của UBND cấp huyện là 10 ngày làm việc) xuống còn 20 ngày làm việc (trong đó thời gian giải quyết của UBND cấp xã rút ngắn 01 ngày làm việc còn lại 11 ngày làm việc và thời</p>	<p>- Tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ như sau: “b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc xem xét, quyết định việc xét duyệt...” và “d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân</p>	<p>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 31.793.866.000 đồng/năm.</p> <p>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 28.994.186.000 đồng/năm.</p> <p>- Chi phí tiết kiệm: 2.799.680.000 đồng/năm.</p> <p>- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.</p>

Tên thủ tục hành chính Mã thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
	<p>gian giải quyết của UBND cấp huyện rút ngắn 01 ngày làm việc còn lại 09 ngày làm việc).</p> <p>- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính thì thời gian giải quyết hồ sơ, công chức thực hiện có thể rút ngắn được 02 ngày. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí và thời gian cho tổ chức, cá nhân, đề nghị thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p>	<p>quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ...”.</p> <p>- Đề nghị sửa đổi nội dung điểm b, điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ như sau: “b)Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc xem xét, quyết định việc xét duyệt...” và “d)Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...”.</p>	
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
Lĩnh vực Người có công			
<p>Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (đối với trợ cấp một lần và mai táng)</p>	<p>Đề nghị cắt giảm 02 ngày làm việc thời gian giải quyết thủ tục hành chính “Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ</p>	<p>- Tại khoản 2 Điều 123 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ như sau: “Ủy ban nhân dân cấp xã trong</p>	<p>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 3.785.292.500 đồng/năm.</p> <p>- Chi phí tuân thủ TTHC</p>

Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
Mã thủ tục hành chính			
(1.010824.000.00.00.H08)	<p>trần (đối với trợ cấp một lần và mai táng)” được công bố tại Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, từ 24 ngày (trong đó thời gian giải quyết của UBND cấp xã là 05 ngày làm việc và thời gian giải quyết của UBND cấp huyện là 07 ngày làm việc, thời gian giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là 12 ngày) xuống còn 22 ngày (trong đó thời gian giải quyết của UBND cấp xã rút ngắn 02 ngày làm việc còn lại 03 ngày làm việc, thời gian giải quyết của UBND cấp huyện giữ nguyên là 07 ngày làm việc và thời gian giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội giữ nguyên là 12 ngày).</p> <p>- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính thì thời gian giải quyết hồ sơ, công chức thực hiện có thể rút ngắn được 02 ngày làm việc. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí và thời gian cho tổ chức, cá nhân, đề nghị thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p>	<p>thời hạn giải quyết 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm xác nhận bản khai và lập danh sách gửi Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội”.</p> <p>- Đề nghị sửa đổi nội dung khoản 2 Điều 123 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ như sau: “Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn giải quyết 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm xác nhận bản khai và lập danh sách gửi Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội”.</p>	<p>sau khi đơn giản hoá: 3.477.327.700 đồng/năm.</p> <p>- Chi phí tiết kiệm: 307.964.800 đồng/năm.</p> <p>- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8%.</p>